TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **08/**2026/DSST
Ngày 22/01/2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Thành Thái**

2. Ông **Nguyễn Duy Khương**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Thăng** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Trương Thị Mỹ Tiên** - Kiểm Sát viên.

Trong các ngày 06/11/2025 và ngày 22/01/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 141/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2025/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 9 năm 2025, quyết định hoãn phiên toà số 63/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2025, quyết định tạm ngừng phiên toà số 13/2025/QĐST-DS ngày 06/11/2025, thông báo mở lại phiên toà số 30/2025/TB-TA ngày 19/12/2025, thông báo hoãn phiên toà số 01/2026 ngày 05/01/2026 giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Văn C**, sinh năm 1972

ĐKHKTT: tổ 4, khu phố T, xã M, tỉnh AG

Nơi cư trú: 763 Mạc Cửu, phường RG, tỉnh AG

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:

Ông **Nguyễn Quốc V**, sinh năm 1994

Địa chỉ: 34/27 Chu Văn An, phường RG, tỉnh AG

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1968

Bà **Huỳnh Thị P,** sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: ấp Vĩnh Thành, xã BA, tỉnh AG

- Người làm chứng: Chị **Trương Thị Anh T**, sinh năm 1994

Địa chỉ: Số 728 B Huỳnh Tấn Phát, khu phố 1, phường RG, tỉnh AG

(Ông V có mặt tại phiên toà, ông T và bà P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 06/12/2024 nguyên đơn ông Lê Văn C trình bày:***

Ngày 25/5/2022, ông Lê Văn C có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị P vay số tiền là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng). Thời hạn vay từ ngày 25/5/2022 đến ngày 25/5/2024. Phương thức cho vay là bằng tiền mặt, lãi suất hai bên thoả thuận là 1%/tháng, hai bên có lập bằng văn bản có ký tên xác nhận của hai bên. Kể từ ngày nhận đủ tiền cho đến nay, ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị P không trả lãi và gốc cho ông C mặc dù ông C đã nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị P trả nợ. Do đó ông C yêu cầu: buộc ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị P phải có trách nhiệm trả cho ông C số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và tiền lãi tạm tính từ ngày 25/5/2022 đến 25/5/2024 với lãi suất 1%/tháng đồng =240.000.000 đồng. Ông C cho ông T, bà P vay tiền theo từng lần cụ thể như sau: lần 1: vào ngày 21/5/2022 dương lịch cho vay 500.000.000 đồng, lần 2: vào ngày 25/5/2022 dương lịch cho vay 500.000.000 đồng; tổng cộng hai lần vay là 1.000.000.000 đồng nhưng trong năm 2022 giữa ông C và vợ chồng ông T, bà P không làm biên nhận với nhau vì là chỗ bạn bè chơi thân khoảng mười năm nên tin tưởng nhau. Khi vay tiền thì ông T, bà P vay nhằm mục đích kinh doanh tàu biển và hẹn hai năm sẽ trả, ông T và bà P thoả thuận trả lãi suất 5% và trả lãi hàng tháng nhưng sau khi vay thì ông T, bà P không trả được khoản lãi nào nên ông C thấy lo lắng và kêu ông T, bà P viết biên nhận cho ông C vào ngày 04/5/2023; do đó ngày trên biên nhận *Hợp đồng cho vay tiền* là đề ngày 04/5/2023 nhưng thời hạn vay là từ ngày 25/5/2022 đến ngày 25/5/2024.

Tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Lê Văn C là anh Nguyễn Quốc V xác định: Việc thoả thuận lãi suất 1%/tháng là thoả thuận bằng lời nói giữa ông C với vợ chồng ông T, bà P nhưng không có ghi trong *Hợp đồng cho vay tiền đề ngày* 04/5/2023. Nay ông Lê Văn C yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị P phải có trách nhiệm trả cho ông C số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và tiền lãi tính từ ngày 25/5/2022 đến ngày xét xử 22/01/2026 với lãi suất 1%/tháng.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị P đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do.***

**** Biên bản xác minh Trưởng ấp Vĩnh Thành, xã VHH, tỉnh KG ngày***

05/9/2024:

Ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ ấp Vĩnh Thành, xã Vĩnh Hoà Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang; hiện nay ông T và bà P không còn ở địa chỉ nêu trên, ông T và bà P đã bỏ địa phương đi nơi khác sống từ đầu năm 2024 đến nay không về ấp Vĩnh Thành, xã Vĩnh Hoà Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

** Vào ngày 18/12/2025 Toà án đã ra Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về thời gian mở lại phiên toà* theo đúng quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 cụ thể đăng 03 số báo liên tiếp trên Báo Công lý và Chi nhánh Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông tại TP. HCM).

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – An Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Thẩm phán ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử là trễ hạn và vi phạm quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 91, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn C buộc ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị P phải có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn C số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và tiền lãi của số tiền vay gốc 1.000.000.000 đồng được tính theo mức lãi suất quy định của pháp luật kể từ ngày 25/5/2022 đến ngày xét xử 22/01/2026 là 43 tháng 28 ngày x 0,83%/tháng = 356.907.747 đồng.

Về án phí: buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[*1.1] Về thẩm quyền:* Nguyên đơn ông Lê Văn C yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị P phải trả số tiền vay gốc là 1.000.000.000 đồng cùng tiền lãi

nên đây là "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*, đồng thời bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị P có nơi cư trú tại ấp Vĩnh Thành, xã Vĩnh Hoà Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nay là ấp Vĩnh Thành, xã Bình An, tỉnh An Giang) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về sự có mặt của đương sự:*

Toà án đã niêm yết đầy đủ các thủ tục tố tụng tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị P, đồng thời Toà án cũng tiến hành Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nhưng ông T và bà P vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về nội dung:* Nguyên đơn ông Lê Văn C yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị P phải có trách nhiệm trả cho ông C số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 25/5/2022 đến ngày xét xử 22/01/2026.

Hội đồng xét xử xét: Dựa tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: *Hợp đồng cho vay tiền đề* ngày 04/5/2023 (viết tay) có chữ ký của ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị P với nội dung thể hiện việc ông C có cho vợ chồng ông T, bà P vay số tiền 1.000.000.000 đồng và thời hạn vay theo thoả thuận là 02 năm từ ngày 25/5/2022 đến ngày 25/5/2024. Đối với ông T và bà P thì Toà án đã Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (cụ thể đăng 03 số báo liên tiếp trên Báo Công lý và Chi nhánh Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông tại TP. HCM) nhưng ông T và bà P vẫn vắng mặt không lý do mà không có văn bản trình bày ý kiến hay yêu cầu gì, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì. Do đó xem như bị đơn từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ của mình nên đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 91, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sư năm 2015. Như vậy, đã có đủ cơ sở để xác định ông T và bà P có vay của ông C số tiền 1.000.00.000đ (Một tỷ đồng).

Về tiền lãi: đại diện nguyên đơn yêu cầu tính theo lãi suất đã thoả thuận là 1%/tháng. Hội đồng xét xử xét việc thoả thuận này chỉ bằng lời nói mà trong *Hợp đồng vay tiền đề ngày 04/5/2023* không ghi rõ lãi suất mà chỉ ghi là *lãi suất thoả thuận*. Đồng thời tại phiên toà, ông T và bà P vắng mặt nên không thể ghi nhận được ý kiến của ông T và bà P, cũng như không thể cho các đương sự đối chất làm rõ về lãi suất. Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải tính lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 = 10%/năm, tương đương

0,833%/tháng kể từ ngày 25/5/2022. Do đó số tiền 1.000.000.000 đồng được tính lãi như sau: 1.000.000.000 đồng x 0,833% x 43 tháng 28 ngày (từ ngày 25/5/2022 đến ngày xét xử 22/01/2026) = 356.907.747 đồng.

[3] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận để xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn C.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Văn C được chấp nhận nên buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật với số tiền là 52.707.232 đồng. Nguyên đơn ông Lê Văn C không phải chịu án phí và được trả 24.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0005403 ngày 17/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh An Giang).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 180, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn C.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị P phải trả cho nguyên đơn ông Lê Văn C số tiền vay gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi là 356.907.747 đồng, tổng cộng gốc lãi là 1.356.907.747đ (Một tỷ ba trăm năm mươi sáu triệu chín trăm lẻ bảy ngàn bảy trăm bốn mươi bảy đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn không trả dứt điểm số tiền nêu trên cho nguyên đơn thì hàng tháng còn phải trả cho nguyên đơn thêm một khoản tiền lãi tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Địa điểm giao nhận tiền tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh An Giang.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật với số tiền là 52.707.232 đồng.

Nguyên đơn ông Lê Văn C không phải chịu án phí và được trả lại 24.300.000 (hai mươi bốn triệu ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0005403 ngày 17/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh An Giang).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh An Giang;*
- *VKSND Khu vực 3;*
- *THADS tỉnh An Giang;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

Danh Phạm Ngọc Khánh